

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 99/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021, thông báo dời phiên tòa số 183 ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Số 423, tổ 5, khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Số 366, ấp Phú Bình, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có đơn xin vắng mặt ngày 13/9/2021.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Số 423, tổ 5, khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày thể hiện: Về hôn nhân giữa chị T với anh T do người lớn mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý, hai người tổ chức

lễ cưới vào năm 2010, anh, chị đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Thạnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH, quyển số I/2010 ngày 14/6/2010. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì sau đó anh T thường uống rượu về đánh đập, ngược đãi và súc phạm chị T. Chị T cho rằng tình cảm chị với anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc, chị T xin ly hôn với anh T.

Về con chung, chị T với anh T có với nhau 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/10/2011, hiện đang sống với chị T. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Nợ chung: Giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Hữu T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không được, do anh T vắng mặt.

Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Phạm Thị N là mẹ ruột anh Nguyễn Hữu T cung cấp về hôn nhân giữa chị T với anh T thể hiện: Thông qua mai mối, chị T với anh T cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng T, T lên tỉnh Bình Dương làm thuê rồi xảy ra mâu thuẫn, bà N nghe chị T nói anh T không lo làm ăn mà cứ cờ bạc, rượu chè và vợ chồng T, T không còn sống chung hơn năm nay, gia đình hai bên có tìm cách hàn gắn cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng T, T có với nhau 01 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc T đang sống với chị T.

Biên bản xác minh ngày 28/6/2021 cảnh sát khu vực khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986 có đăng ký hộ khẩu tại số 423, tổ 5, đường Nguyễn Tri Phương, khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Hiện anh T vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên và anh T vẫn thường về thăm nhà, anh T không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên 06 tháng.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T và anh T vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản ghi nhận vắng mặt, biên bản phiên họp việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị N, biên bản xác minh ngày 28/6/2021 cảnh sát khu vực khóm Long Thạnh B, biên bản ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu T, đơn xin vắng mặt của chị Tuyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Hữu T có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Thạnh là hôn nhân hợp pháp. Chị T với anh T đã có thời gian dài không chung căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị cho chị T ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị T với anh T có với nhau 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/10/2011, hiện đang sống với chị T.

Căn cứ vào quyền lợi và điều kiện môi trường tốt, đề nghị giao cháu T cho chị T nuôi dạy, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Số 423, tổ 5, khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Hữu T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân giữa chị T với anh T do người lớn mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý, hai người tổ chức lễ cưới vào năm 2010, anh, chị đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Thạnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH, quyển số I/2010 ngày 14/6/2010. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì sau đó anh T thường uống rượu về đánh đập, ngược đãi và súc phạm chị T. Chị T cho rằng tình cảm chị với anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc, chị T xin ly hôn với anh T.

Xét thấy yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh T. Anh T vắng mặt.

Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Phạm Thị N là mẹ ruột anh Nguyễn Hữu T cung cấp về hôn nhân giữa chị T với anh T thể hiện: Thông qua mai mối, chị T với anh T cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng T, T lên tỉnh Bình Dương làm thuê rồi xảy ra mâu thuẫn, bà N nghe chị T nói anh T không lo làm ăn mà cứ cờ bạc, rượu chè và vợ chồng T, T không còn sống chung hơn năm nay, gia đình hai bên có tìm cách hàn gắn cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị T với anh T có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị T với anh T đã sống xa cách nhau từ năm 2017 đến nay.

Căn cứ Điều 51 khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị T ly hôn đối với anh T.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa chị T với anh T có với nhau 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/10/2011, hiện đang sống với chị T. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên Vọng của cháu T muốn được sống với chị T.

Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng là hợp lý. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai chị với anh T không có tài sản và nợ chung nên không đặt ra giải quyết. Nếu anh T cho rằng anh với chị T có

tài sản hoặc nợ chung thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị T ra Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số TU 2019/ 0006566 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Hữu T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51 khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 66/KH, quyển số I/2010 ngày 14/6/2010 do UBND phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Hữu T không còn giá trị pháp luật

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/10/2011 cho chị Nguyễn Thị T nuôi đại. Công nhận sự tự nguyện của chị T tự nguyện nuôi con mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Hữu T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết nếu anh T cho rằng anh với chị T có tài sản hoặc nợ chung thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị T ra Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số TU 2019/ 0006566 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Hữu T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày các đương sự có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND phường Long Thạnh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh